



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Everpia

Ngày 30/06/2025	11,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	18.9%	8.6%	13.9%

DT thuần Q2/25
189
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 46.0 32.0%
YoY: ▲ 20.0 11.7%

LN thuần Q2/25
10.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.43 745%
YoY: ▲ 21.3 201%

LN sau thuế Q2/25
11.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.8 988%
YoY: ▲ 21.2 228%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
8.2%
YoY: +/-▲ 5.1%

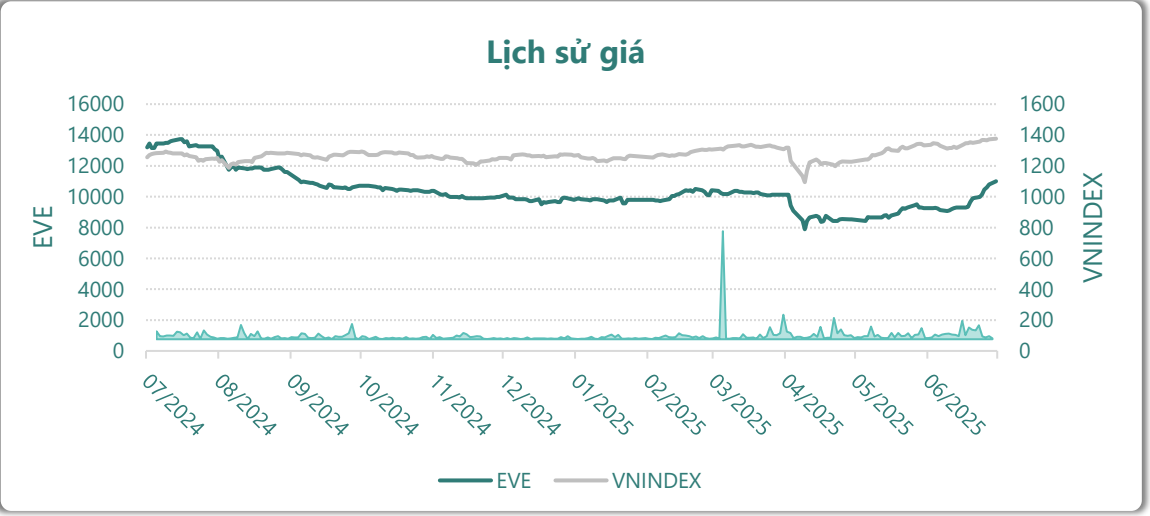
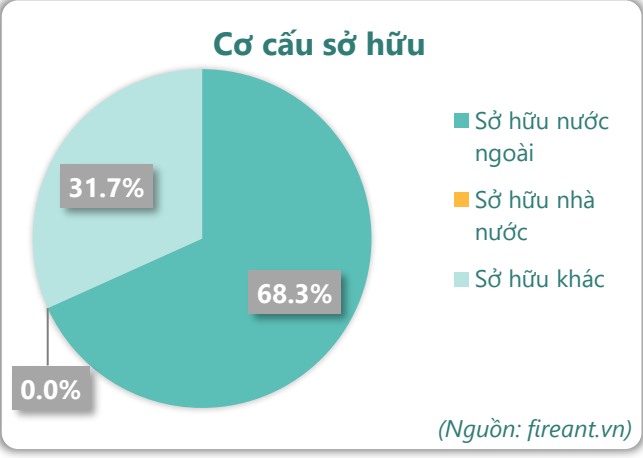
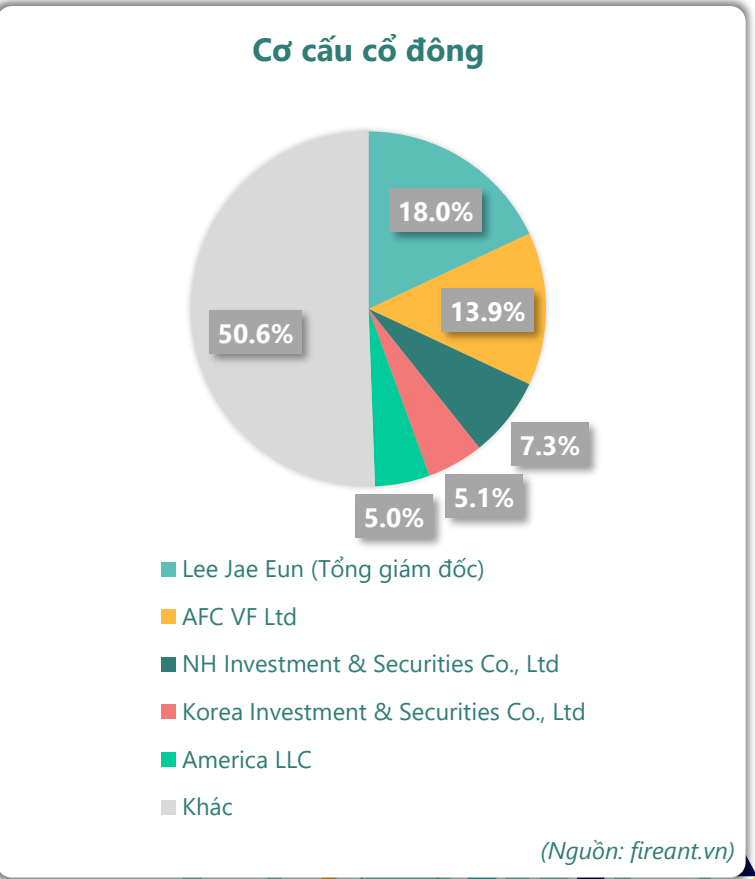
ROE (TTM) Q2/25
-1.1%
YoY: +/-▲ 2.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,887 - 13,729
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	462
Số lượng CPLH (CP)	41,979,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)	66,420
Sở hữu nước ngoài	68.3%
Beta	0.95
EPS	-260
P/E	-42.3

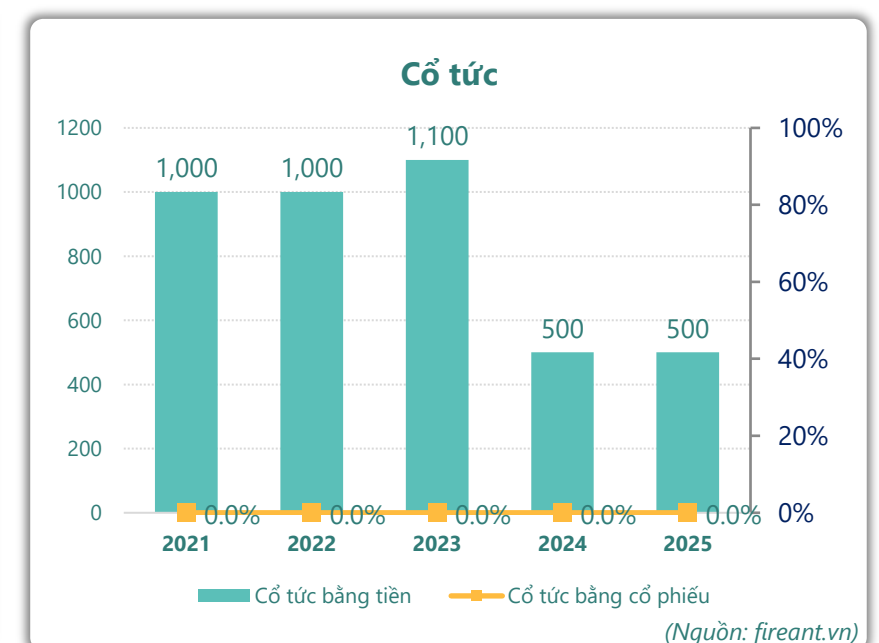
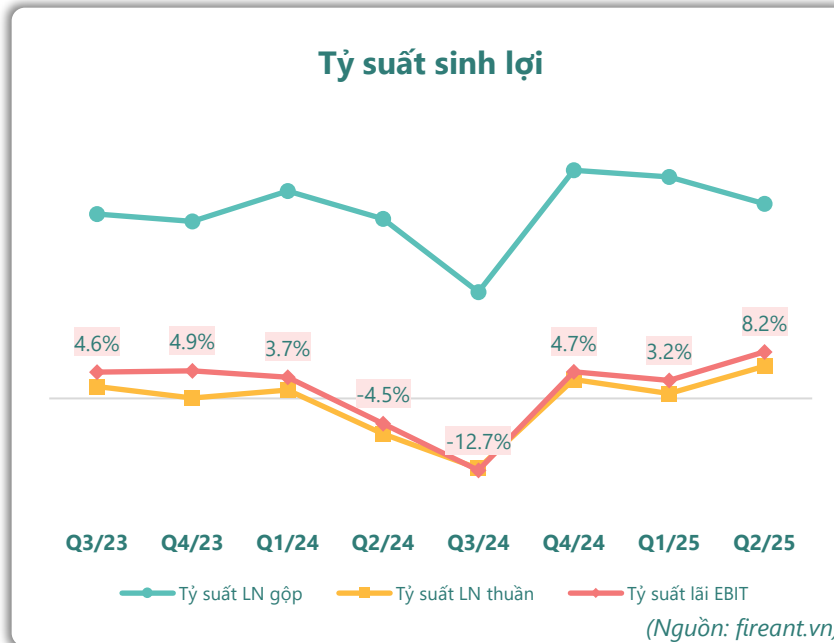
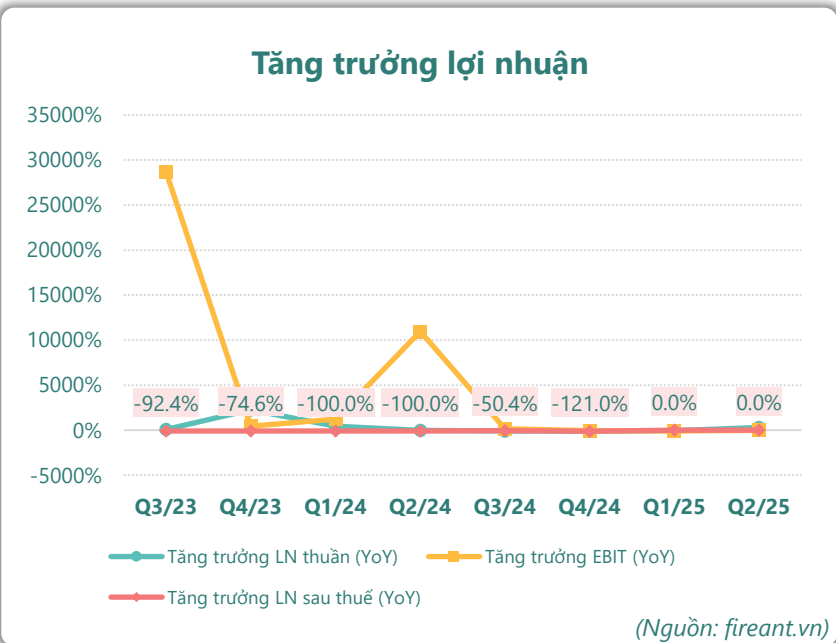
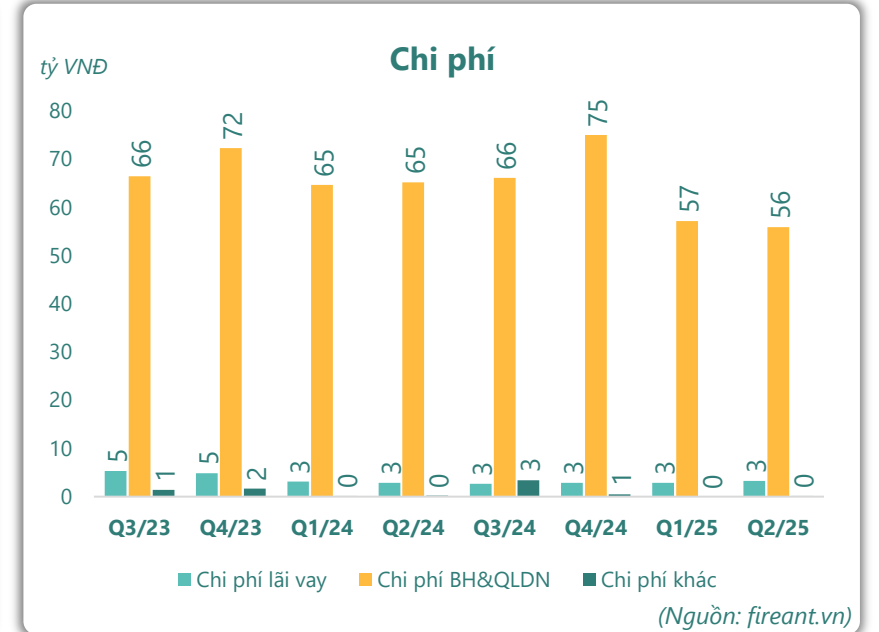
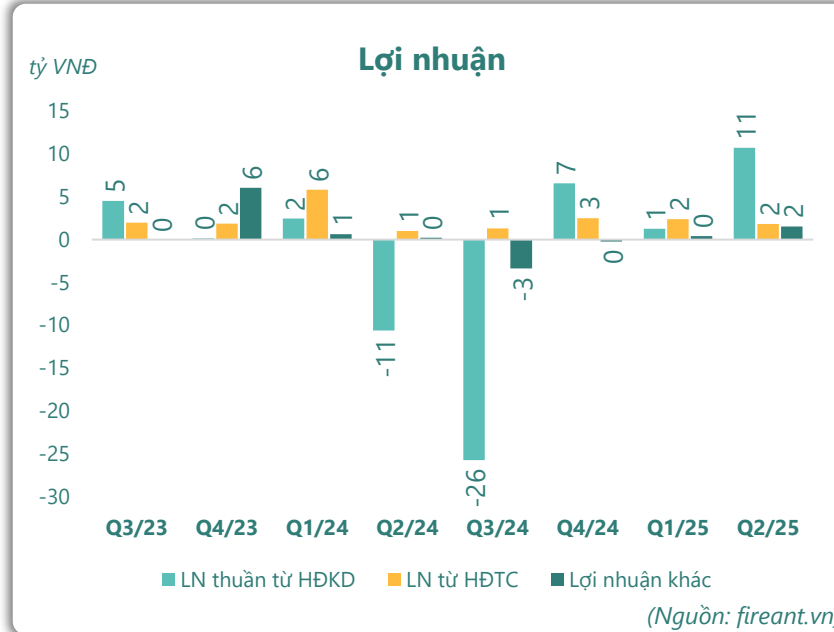
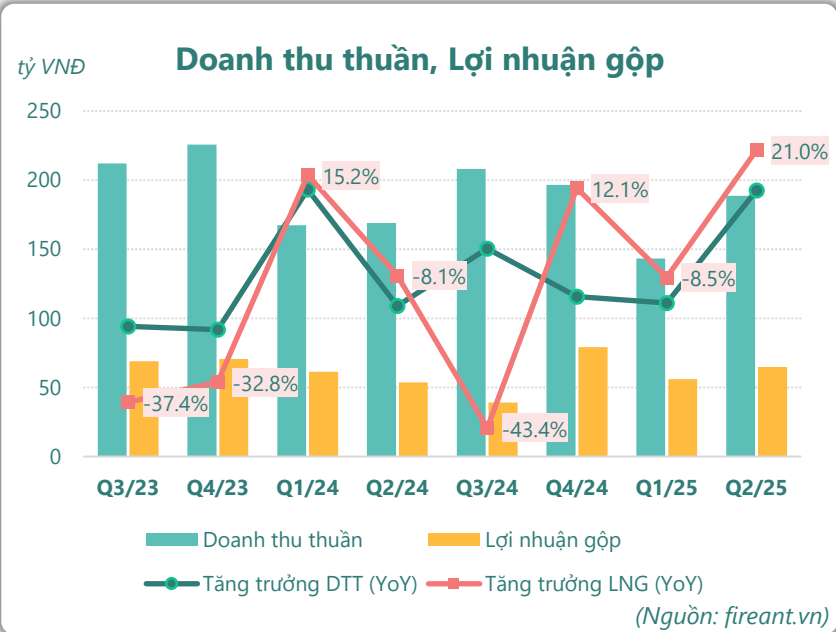
DT thuần 6T 2025
332
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.00 -1.3%

LN thuần 6T 2025
12.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.2 247%

LN sau thuế 6T 2025
12.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.5 270%



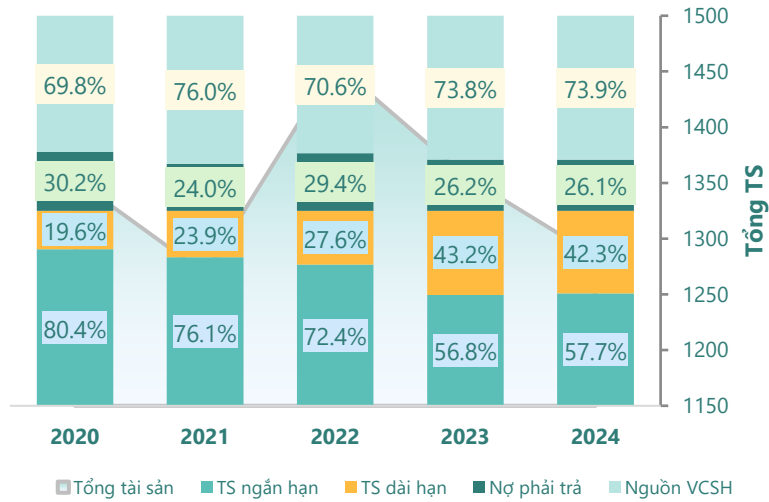
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

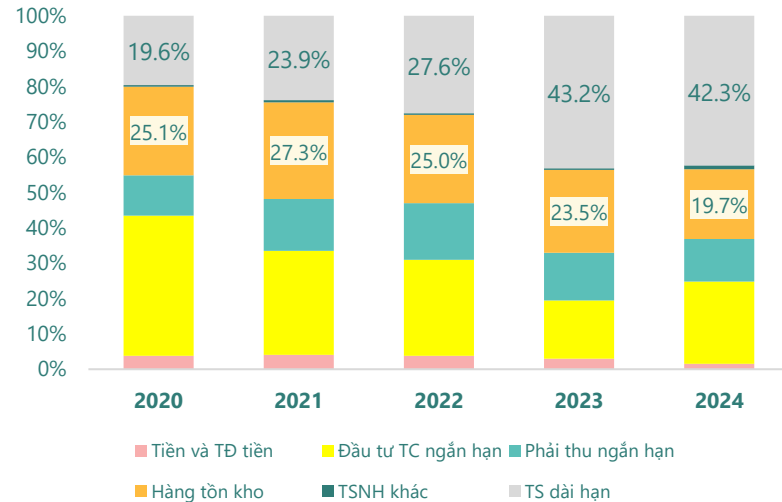
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

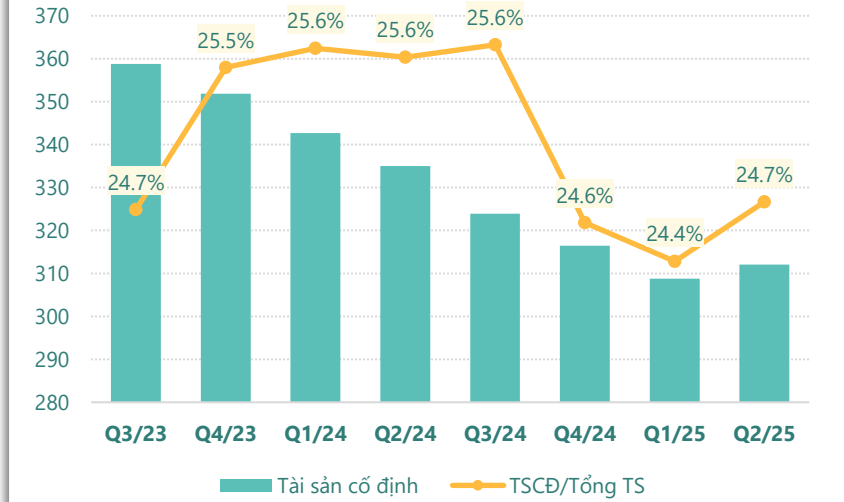
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

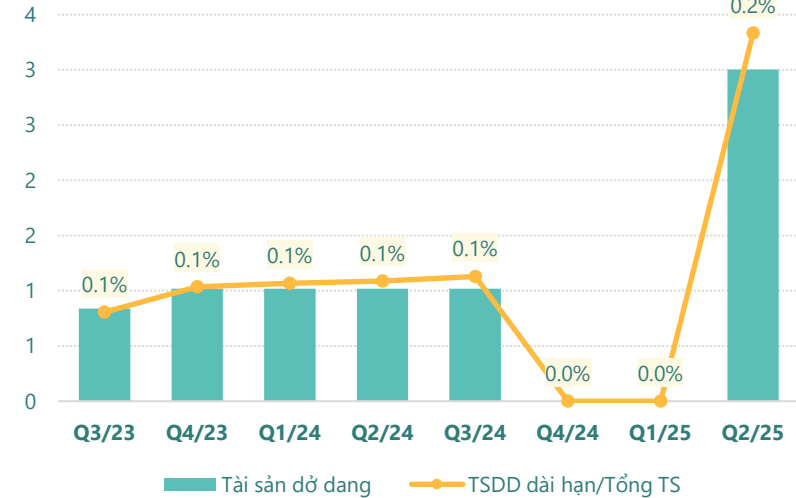
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

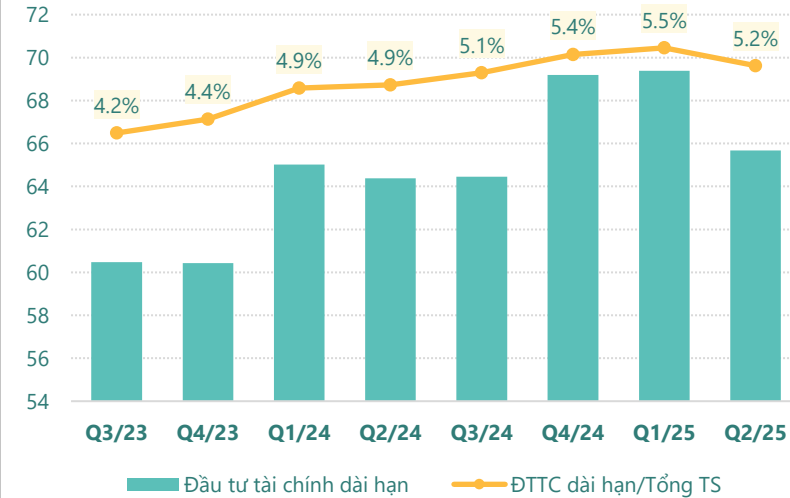
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

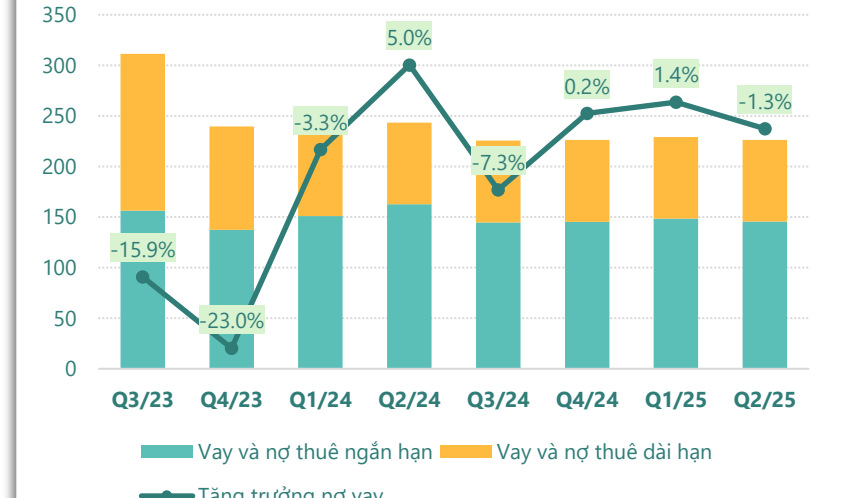
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

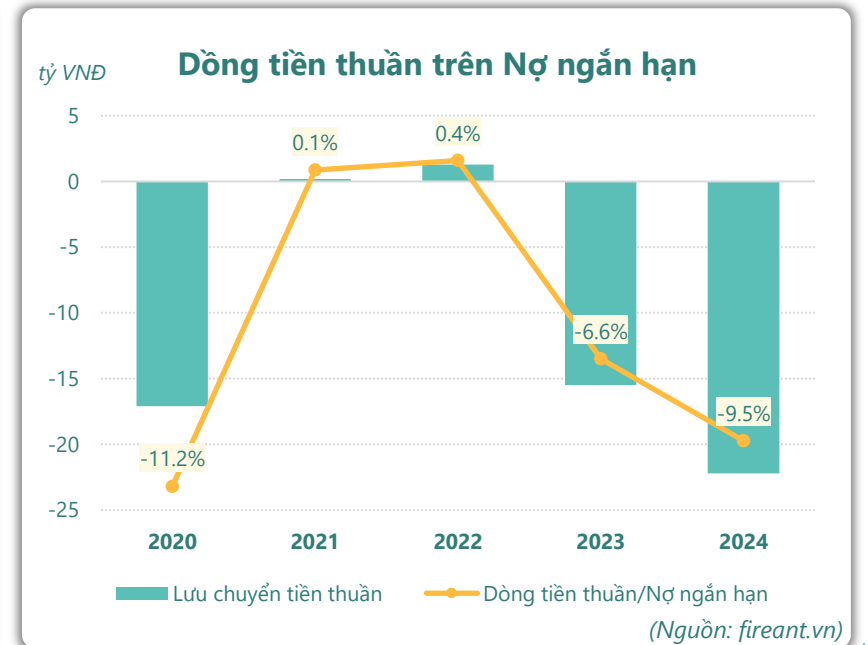
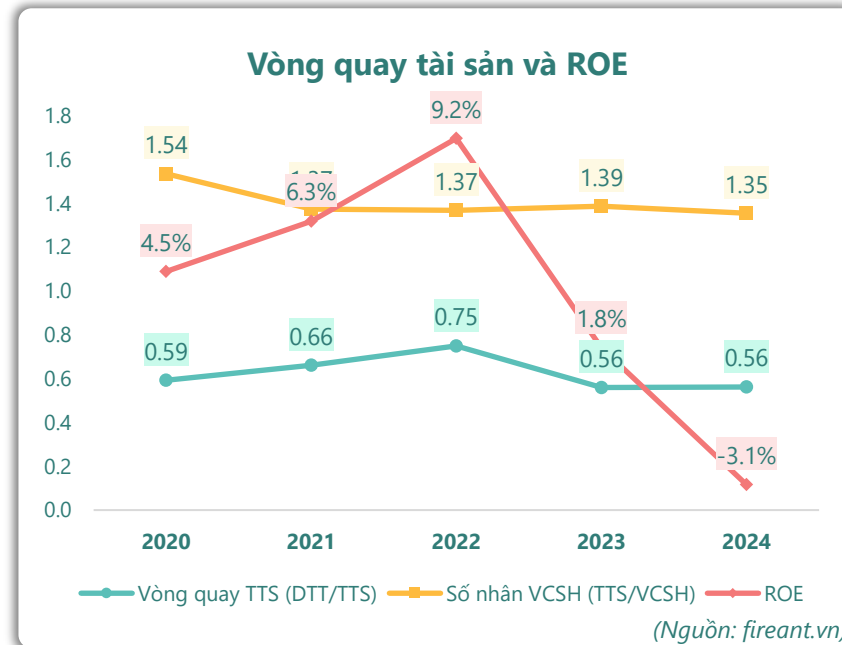
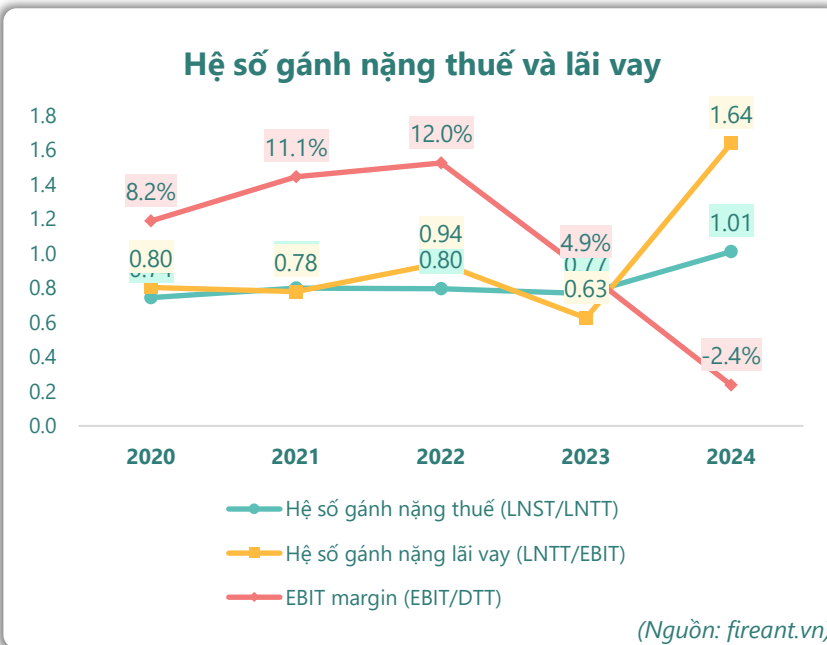
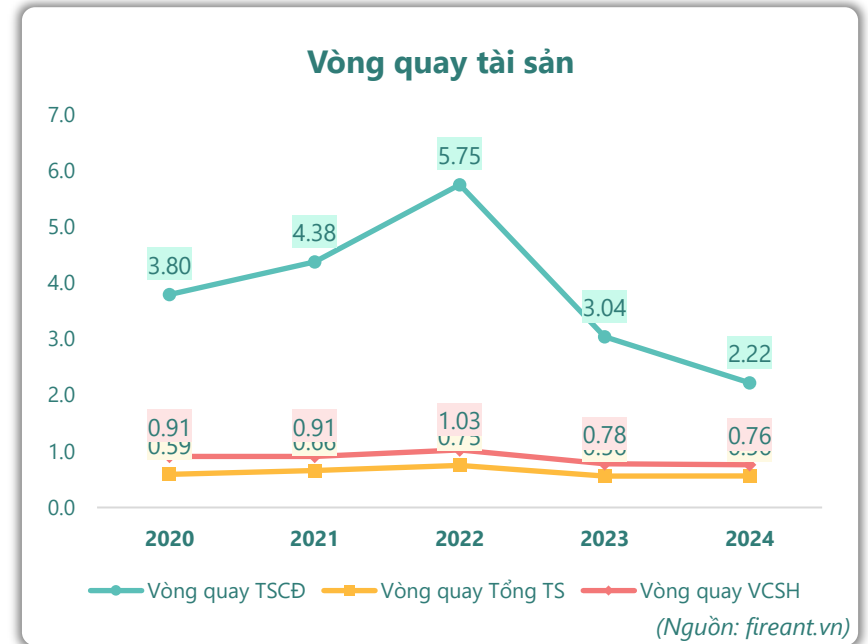
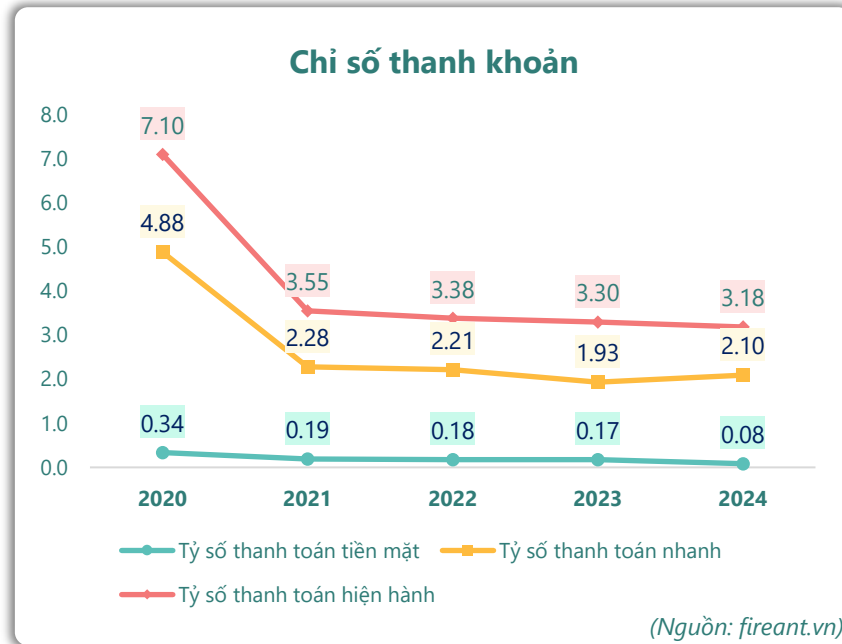
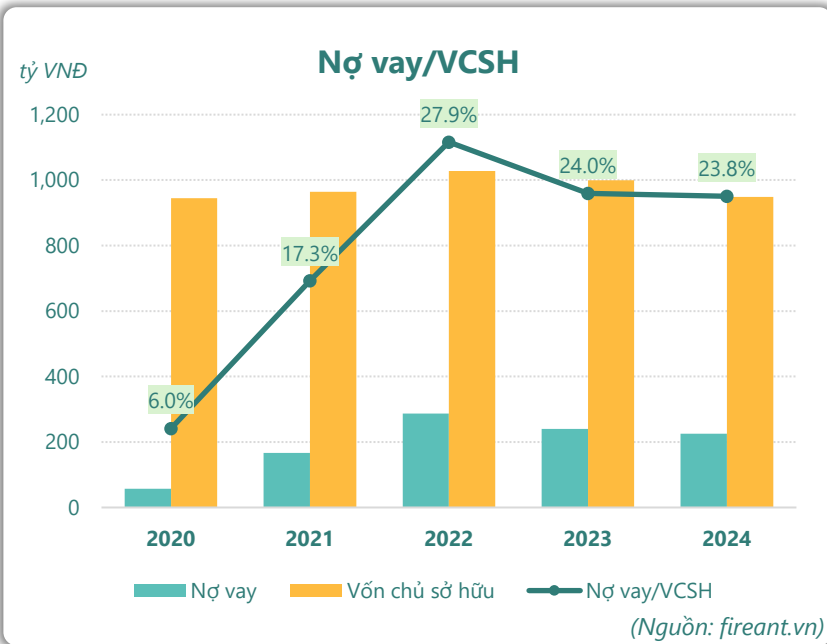
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	189	169	11.7%	332	337	-1.3%
Giá vốn hàng bán	124	116	6.9%	211	222	-4.7%
Lợi nhuận gộp	64.8	53.6	20.9%	121	115	5.2%
Doanh thu HĐTC	6.94	5.84	18.8%	13.6	15.2	-10.1%
Chi phí TC	5.12	4.83	6.0%	9.43	8.34	13.1%
Chi phí lãi vay	3.26	2.87	13.4%	6.12	6.02	1.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	34.2	40.7	-15.9%	70.0	80.9	-13.4%
Chi phí QLDN	21.7	24.5	-11.5%	43.0	49.0	-12.1%
LN thuần từ HĐKD	10.7	-10.6	201%	12.0	-8.15	247%
Lợi nhuận khác	1.54	0.20	670%	1.93	0.83	133%
LN trước thuế	12.3	-10.4	218%	13.9	-7.32	290%
Lợi nhuận sau thuế	11.9	-9.27	228%	12.9	-7.63	270%
LNST của CĐ cty mẹ	11.6	-9.38	224%	12.3	-8.26	249%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	29.2	-11.6	0.01	30.1	10.6	3.58
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.2	21.9	14.8	-48.9	-9.96	27.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.20	-9.25	-17.9	0.54	3.84	-24.9
Tiền đầu kỳ	40.9	40.6	40.8	38.3	19.5	25.2
Lưu chuyển tiền thuần	-2.21	1.07	-3.01	-18.3	4.52	6.00
Ảnh hưởng tỷ giá	1.93	-0.86	0.49	-0.35	1.15	0.52
Tiền cuối kỳ	40.6	40.8	38.3	19.6	25.2	31.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,261	1,284	-1.8%
Tài sản ngắn hạn	724	741	-2.2%
Tiền và tương đương tiền	31.7	19.5	62.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	284	299	-5.2%
Phải thu ngắn hạn	135	155	-12.8%
Hàng tồn kho	261	253	3.1%
Tài sản ngắn hạn khác	12.9	14.2	-9.4%
Tài sản dài hạn	537	543	-1.1%
Phải thu dài hạn	3.38	2.86	18.2%
Tài sản cố định	312	315	-1.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.00	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	65.7	64.6	1.6%
Tài sản dài hạn khác	153	161	-4.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	322	336	-4.1%
Nợ ngắn hạn	218	233	-6.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	146	145	0.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	34.3	42.7	-19.6%
Nợ dài hạn	104	103	1.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	80.8	80.8	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	939	948	-1.0%
Vốn chủ sở hữu	939	948	-1.0%
Vốn điều lệ	420	420	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

